

NHẬN THỨC VÀ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ TẠI ĐÀ NẴNG

AWARENESS AND LEVELS OF RISK MANAGEMENT IN INFRASTRUCTURE INVESTMENT PROJECTS UNDER THE FORM OF PUBLIC PRIVATE PARTNERSHIP (PPP) IN DA NANG

Phạm Thị Trang¹, Nguyễn Huy Thanh²

¹*Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng; pttrang@dut.udn.vn*

²*Trường Đại học Xây dựng Hà Nội; thanhnh.tckh@gmail.com*

Tóm tắt - Quan hệ Đối tác Công - Tư (PPP) là hình thức hợp tác tối ưu hóa hiệu quả đầu tư và cung cấp dịch vụ công cộng chất lượng cao, sử dụng được kỹ năng, công nghệ hiện đại và tính hiệu quả trong quản lý của khu vực tư nhân. Tuy nhiên, hiện nay, vấn đề quản trị rủi ro nhằm hạn chế tác động xấu từ các ảnh hưởng đến dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật (CSHTKT) theo hình thức PPP chưa được quan tâm, còn mang tính đối phó bị động, khiến cho nhiều dự án PPP trong đầu tư CSHTKT tại Đà Nẵng chưa thực sự được triển khai vào thực tiễn và chưa phát huy hiệu quả như kỳ vọng. Nguyên nhân khách quan của vấn đề này là do nhận thức của các chủ thể có liên quan còn nhiều hạn chế. Do vậy, việc nghiên cứu nhận thức và mức độ thực hiện quản trị rủi ro trong các dự án đầu tư CSHTKT theo hình thức PPP là thực sự cần thiết, nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện dự án PPP trong phát triển CSHTKT tại Đà Nẵng.

Từ khóa - kiểm soát rủi ro; quản lý rủi ro; quản trị rủi ro; rủi ro tiềm ẩn; rủi ro cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Abstract - Public Private Partnership (PPP) is a form of cooperation that optimizes the efficiency of investment and the provision of high quality public services that utilize modern skills, technology and effectiveness in management of the private sector. However, at present, risk management in order to limit the negative impact on the PPP investment projects has not been paid attention to and is still passive. It makes many PPP projects in Danang's infrastructure not be really implemented and not be as effective as expected. The objective cause of this problem is the limited awareness of stakeholders. Therefore, the research on awareness and the level of risk management implementation in PPP investment projects is really necessary to improve the effectiveness of PPP implementation in development of Danang's technical infrastructure.

Key words - risk control; risk management; potential risk; risk of technical infrastructure

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng không ngừng tăng nhanh cả về quy mô và lĩnh vực, với sự tham gia của toàn xã hội. Chính những tác động không ổn định từ môi trường xung quanh và sự điều chỉnh nội tại của dự án dẫn đến việc phải thay đổi nhiều tiêu chí cơ bản được dự tính ban đầu và làm thay đổi hiệu quả của dự án. Đó chính là sự tồn tại của rủi ro đối với dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hình thức Đối tác Công - Tư (PPP) tại Đà Nẵng.

Rủi ro xuất hiện khi tồn tại đồng thời 2 yếu tố cơ bản: yếu tố gây rủi ro và đối tượng chịu tác động, chịu ảnh hưởng. Các rủi ro thường gây ra những tổn thất đòi hỏi phải tốn kém những khoản chi phí để khắc phục. Việc sớm chủ động nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản trị rủi ro và mức độ thực hiện quản trị rủi ro có hiệu quả góp phần giảm thiểu tác động của rủi ro đối với các dự án PPP tại Đà Nẵng, nâng cao hiệu quả của việc thực hiện các dự án PPP, phục vụ tốt công tác quản lý đầu tư và xây dựng dự án CSHTKT tại Đà Nẵng.

Xuất phát từ những vấn đề trên, việc nghiên cứu vấn đề nhận thức về quản trị rủi ro và mức độ thực hiện quản trị rủi ro trong các dự án đầu tư CSHTKT theo hình thức PPP là thực sự cần thiết, nhằm góp phần giảm thiểu rủi ro trong quá trình triển khai thực hiện các dự án PPP đầu tư CSHTKT tại Đà Nẵng, đồng thời tạo điều kiện để phát triển dự án một cách bền vững trong điều kiện môi trường đầy bất trắc như hiện nay.

2. Tổng quan nghiên cứu nhận thức về quản trị rủi ro và mức độ thực hiện quản trị rủi ro trong các dự án đầu tư CSHTKT theo hình thức PPP

2.1. Nghiên cứu nhận thức về quản trị rủi ro và mức độ thực hiện quản trị rủi ro trong các dự án đầu tư CSHTKT theo hình thức PPP ở các nước trên thế giới

Quản trị rủi ro là vấn đề chính cần giải quyết khi bắt tay vào triển khai một dự án PPP, đặc biệt là dự án PPP đầu tư CSHTKT. Là lĩnh vực có tính thương mại không cao, để thu hút nhà đầu tư và các định chế tài chính tham gia đầu tư vào dự án PPP đầu tư CSHTKT, việc giảm thiểu một cách hợp lý các loại rủi ro là điều quan trọng nhất để bảo đảm tính khả thi của các dự án trong lĩnh vực này.

Trên thế giới, không một chính phủ nào có thể chi trả được toàn bộ chi phí đầu tư cho hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, nhưng cũng không nhà đầu tư tư nhân nào có thể làm được việc này vì đây là lĩnh vực có hiệu quả kinh tế thấp và nhiều rủi ro. Do vậy, các nước phát triển và đang phát triển đều đang có mối quan tâm ngày càng tăng trong việc áp dụng chính sách đối tác nhà nước - tư nhân.

Quản trị rủi ro là một trong những nội dung quan trọng đang được đề cập đến trong dự án PPP đầu tư CSHTKT trong giai đoạn hiện nay. Đã có rất nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới quan tâm đến vấn đề này, các nghiên cứu đã tập trung vào việc phát triển mô hình để giải quyết các vấn đề khác nhau về quản trị rủi ro cho dự án như: Bakatjan và cộng sự đã sử dụng một mô hình đơn giản để xác định mức công bằng tối ưu cho các nhà hoạch định chính sách ở giai

đoạn đánh giá của một dự án BOT, mô hình này kết hợp một mô hình tài chính và một mô hình lập trình tuyến tính để tối đa hoá dự án từ quan điểm của chủ sở hữu [1]; Hồ đã phát triển một mô hình dựa trên lý thuyết trò chơi, xác định thời điểm và cách chính phủ sẽ cứu hộ một dự án bị ảnh hưởng đối với việc mua sắm và quản lý dự án [2]; Subprasom và Chen đã cung cấp mô hình phân tích giá cả đường cao tốc và lựa chọn năng lực cho một kế hoạch dự án BOT, qua đó cho thấy rằng sự kết hợp của lệ phí cầu đường bộ và quy định năng lực đường bộ là giải pháp thực hiện tốt nhất nhằm tăng phúc lợi xã hội, tuy nhiên, trong các dự án đường cao tốc PPP quy định có thể gây áp lực tài chính đối với các nhà đầu tư tư nhân để vận hành một dự án nên cần phải có trợ cấp cho các nhà đầu tư tư nhân để sự tham gia của họ có tính khả thi về mặt tài chính [11]; Wibowo đã xây dựng một mô hình dòng tiền mặt để tính toán các khoản chi phí hoạt động được tạo ra bởi một dự án PPP, qua đó nhận thấy được tác động tài chính của tổ chức bảo đảm từ quan điểm của chính phủ và nhà tài trợ dự án, kết quả mô phỏng cho thấy việc đảm bảo có thể làm giảm rủi ro về khả năng tài chính nhưng không phải trả phí [14]. Các nghiên cứu trên cho thấy quá nhiều hoặc quá ít sự đảm bảo hay hỗ trợ của chính phủ không thể đạt được sự cân bằng phù hợp. Do vậy, Thomas và cộng sự đã đưa ra một khung xác suất và đánh giá tác động rủi ro dựa trên cây mờ và phương pháp Delphi nhằm mô hình hóa các kịch bản rộng rãi về những rủi ro quan trọng trong các dự án và xử lý có hệ thống các đánh giá chuyên môn của các chuyên gia [12]; Zhang và Zou đã phát triển một mô hình phân cấp mờ để đánh giá rủi ro liên quan đến các dự án liên doanh [15]. Các nghiên cứu này đã cố gắng xác định những rủi ro trong PPP bằng cách sử dụng mẫu nhỏ, tuy nhiên, để làm cho kết quả xác định rủi ro có ý nghĩa hơn, nên sử dụng mẫu có kích thước lớn hơn. Hơn nữa, nghiên cứu trong tương lai cũng nên tập trung vào việc khám phá các mô hình đánh giá rủi ro thuyết phục hơn, cần thiết phải tạo ra các mô hình đánh giá rủi ro để kết hợp nhiều loại rủi ro khác nhau.

Quản trị rủi ro là vấn đề nghiên cứu đang được thế giới quan tâm. Các nghiên cứu đã phát triển được các mô hình nhằm quản trị rủi ro cho dự án. Tuy nhiên, quản trị rủi ro trong các dự án PPP đầu tư CSHTKT không thể đơn giản được sao chép từ nước này sang nước khác, các nước khác nhau có những thực tiễn khác nhau về văn hoá và chính sách. Do vậy, cần có trường hợp nghiên cứu cụ thể đối với vấn đề quản trị rủi ro tại Việt Nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng.

2.2. Nghiên cứu nhận thức về quản trị rủi ro và mức độ thực hiện quản trị rủi ro trong các dự án đầu tư CSHTKT theo hình thức PPP tại Việt Nam

PPP cũng đang là mối quan tâm lớn của Chính phủ Việt Nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng. Nhiều nghiên cứu của các tác giả trong nước mới chỉ tập trung tìm hiểu kinh nghiệm thế giới, đề từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, tiêu biểu có Nguyễn Hồng Thái đã nghiên cứu kinh nghiệm quản lý mô hình PPP trong phát triển mạng lưới giao thông đường bộ có thu phí của một số nước nhằm rút ra bài học cho Việt Nam [5]. Một số khác lại nghiên cứu, phân tích thực trạng để từ đó đưa ra một số đề xuất thúc đẩy hình thức PPP như: Huỳnh Thị Thúy Giang đã nghiên cứu hình thức hợp tác công tư để phát triển

cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ [3]; Ngô Thế Vinh đã nghiên cứu ứng dụng hình thức đối tác công tư trong quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông đô thị [6]; Nguyễn Thị Hồng Minh đã nghiên cứu vấn đề quản lý Nhà nước đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ tại Việt Nam [9]; Nguyễn Thị Ngọc Huyền và Lê Hồng Minh đã nghiên cứu phát triển hình thức đối tác công tư trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ Việt Nam [10].

Quản trị rủi ro cũng đang là mối quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong nước nhưng kết quả nghiên cứu lại còn rất hạn chế như: Nguyễn Văn Châu nghiên cứu rủi ro kỹ thuật trong thi công công trình giao thông đường bộ ở Việt Nam [4]; Nguyễn Hồng Thái đã nghiên cứu quy trình quản lý rủi ro trong đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông [8]; Nguyễn Văn Châu, Bùi Ngọc Toàn & Nguyễn Quang Phúc đã ứng dụng mô hình F-AHP để đo lường mức độ rủi ro kỹ thuật trong xây dựng công trình giao thông đường bộ ở Việt Nam [7]; Thân Thanh Sơn nghiên cứu phân bổ rủi ro trong hình thức hợp tác công tư trong phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ Việt Nam [13].

Vấn đề quản trị rủi ro trong các dự án CSHTKT theo hình thức PPP tại Đà Nẵng chưa có nhà nghiên cứu nào quan tâm nghiên cứu. Đó là lý do tại sao rất nhiều dự án PPP tại Đà Nẵng chưa thực sự được triển khai vào thực tiễn. Do vậy, việc nghiên cứu nhận thức và mức độ thực hiện quản trị rủi ro trong dự án đầu tư CSHTKT theo hình thức PPP tại Đà Nẵng là thực sự cần thiết, nhằm làm tăng hiệu quả của dự án và góp phần hiện thực hóa các dự án PPP tại Đà Nẵng.

3. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu về vấn đề nhận thức và mức độ thực hiện quản trị rủi ro dự án PPP trong đầu tư CSHTKT tại Đà Nẵng

3.1. Khái niệm PPP

PPP là hình thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp đồng giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để thực hiện, quản lý, vận hành dự án kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công.

3.2. Khái niệm rủi ro

Rủi ro là tổng hợp của những sự kiện ngẫu nhiên tác động lên sự vật, hiện tượng làm thay đổi kết quả của sự vật hiện tượng.

3.3. Quản trị rủi ro đối với dự án PPP

Quản trị rủi ro là một quá trình bao gồm: nhận dạng, phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp ứng phó rủi ro nhằm tối đa hóa các cơ hội và giảm thiểu những hậu quả tiêu cực của các rủi ro của doanh nghiệp.

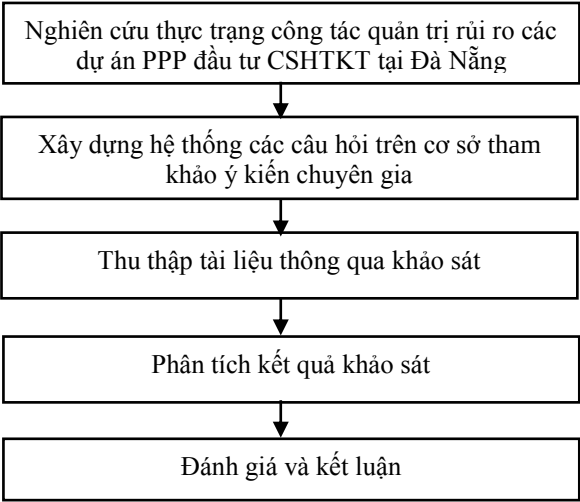
3.4. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng phương pháp điều tra khảo sát số liệu kết hợp với ý kiến của chuyên gia để phân tích, xử lý và tổng hợp số liệu, nhằm xác định nhận thức và mức độ thực hiện quản trị rủi ro trong các dự án PPP đầu tư CSHTKT tại Đà Nẵng, qua đó đề xuất nhóm giải pháp để nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro cho các dự án PPP về CSHTKT Đà Nẵng.

3.5. Sơ đồ nghiên cứu

Dựa trên cơ sở mục đích của vấn đề cần nghiên cứu và thực trạng nhận thức vấn đề quản trị rủi ro dự án PPP đầu

tư CSHTKT tại Đà Nẵng, tác giả đề xuất sơ đồ nghiên cứu như sau:



Hình 1. Sơ đồ nghiên cứu nhận thức về quản trị rủi ro

3.6. Phương pháp chọn mẫu

3.6.1. Phương pháp chọn mẫu

Bài báo áp dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên, phân tầng kết hợp theo các tiêu chí bao gồm: cơ quan công tác, vị trí công tác, kinh nghiệm chuyên môn, mức độ nhận thức...

3.6.2. Phương pháp thu thập số liệu

Phương pháp thu thập số liệu được thực hiện bằng phương pháp định lượng thông qua việc phát bảng câu hỏi với kích thước mẫu là 200 phiếu, được thực hiện ở các cơ quan nhà nước, nhà đầu tư, tổ chức tài chính, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

3.6.3. Phương pháp đánh giá độ tin cậy của bảng câu hỏi

Độ tin cậy của câu trả lời được đánh giá thông qua độ lệch chuẩn của các câu hỏi. Độ lệch chuẩn cho phép đánh giá mức độ đồng nhất trong các câu trả lời của đối tượng được khảo sát.

4. Kết quả nghiên cứu và khảo sát

4.1. Đặc điểm của đối tượng khảo sát

Để đánh giá vấn đề nhận thức và mức độ thực hiện vấn đề quản trị rủi ro trong các dự án CSHTKT theo hình thức PPP tại Đà Nẵng, nghiên cứu đã thực hiện điều tra các đối tượng liên quan đến nhà nước và nhà đầu tư các công trình thực hiện theo hình thức PPP trong CSHTKT tại Đà Nẵng. Tổng số phiếu điều tra phát ra là 230 phiếu, thu về được 200 phiếu hợp lệ. Thông tin chung của hai nhóm đối tượng được khảo sát là nhà đầu tư và nhà nước với 3 nhóm lĩnh vực liên quan như lĩnh vực xây dựng, tài chính và lĩnh vực khác có liên quan, kết hợp với số năm kinh nghiệm và chức vụ đã đảm nhận, được thể hiện trong các bảng sau:

Bảng 1. Bảng thống kê thông tin đối tượng khảo sát

Cơ quan công tác	Tần số	Phần trăm	Phần trăm hợp lệ	Phần trăm tích lũy
Nhà nước	100	50	50	50
Nhà đầu tư	100	50	50	100
Tổng	200	100	100	
Lĩnh vực công tác	Tần số	Phần trăm	Phần trăm hợp lệ	Phần trăm tích lũy
Xây dựng	143	71,5	71,5	71,5

Tài chính	32	16	16	87,5
Lĩnh vực khác	25	12,5	12,5	100
Tổng	200	100	100	
Năm kinh nghiệm	Tần số	Phần trăm	Phần trăm hợp lệ	Phần trăm tích lũy
Dưới 5 năm	55	27,5	27,5	27,5
Từ 5-10 năm	82	41	41	68,5
Từ 11-20 năm	56	28	28	96,5
Trên 20 năm	7	3,5	3,5	100
Tổng	200	100	100	
Chức vụ đảm nhận	Tần số	Phần trăm	Phần trăm hợp lệ	Phần trăm tích lũy
Nhân viên bình thường	133	66,5	66,5	66,5
Cán bộ quản lý	67	33,5	33,5	100
Tổng	200	100	100	

(Kết quả khảo sát được xử lý từ phần mềm SPSS.16)

Kết quả khảo sát cho thấy, đối tượng khảo sát đều là các bên liên quan trong quá trình hình thành dự án PPP tại Đà Nẵng. Đồng thời, đối tượng khảo sát có trình độ chuyên môn cao, với 100% có trình độ chuyên môn là cử nhân, kỹ sư trở lên. Trong đó, 72% có kinh nghiệm trên 5 năm trong lĩnh vực chuyên môn, 33,5% đã giữ chức vụ quản lý. Với đối tượng đã khảo sát có đủ năng lực để trả lời các câu hỏi của nghiên cứu đề xuất, tác giả thấy rằng số liệu khảo sát có độ tin cậy cao.

4.2. Kết quả khảo sát

Tác giả đã tiến hành điều tra thông qua phiếu khảo sát cho 200 đối tượng thuộc các bên có liên quan như các cơ quan Nhà nước (thành phố), nhà đầu tư, cơ quan tài trợ vốn trong quá trình thực hiện dự án PPP đầu tư CSHTKT tại Đà Nẵng và đã thu được kết quả. Kết quả đã được thống kê, tính toán thông qua phần mềm SPSS.16 và có độ lệch chuẩn của các câu trả lời tương đối hợp lý, được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Bảng thống kê độ lệch chuẩn của câu trả lời

Thông tin câu hỏi khảo sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Đã bao giờ nghe đến PPP	1,86	0,348
Đã biết PPP qua hình thức nào	1,64	0,418
Đầu tư PPP là gì	1,73	0,297
Có biết các quy định của Nhà nước liên quan đến PPP	3,01	0,787
Đã biết những loại hợp đồng PPP nào	1,67	0,329
Đã từng tham gia dự án PPP	1,37	0,483
Đã tham gia bao nhiêu dự án PPP	1,56	0,642
Yếu tố quan trọng trong dự án PPP	1,56	0,459
Có biết những rủi ro trong dự án PPP	3,10	0,800
Có quan tâm đến dự án PPP Đà Nẵng	2,76	0,721
Có nhu cầu đầu tư dự án PPP	2,05	0,969
Ly do quan tâm đến dự án PPP	2,51	0,806
Kêu gọi PPP được quan tâm đúng mức chưa	1,68	0,856
Có mong muốn nhận thông tin dự án PPP không	3,05	0,595
Hình thức PPP quan trọng không	3,30	0,520

5. Bàn luận

5.1. Mức độ đã từng nghe về PPP tại Đà Nẵng

Trong tổng số 200 đối tượng được điều tra khảo sát thì có 172 đối tượng (chiếm 86%) là đã từng nghe đến PPP,

nhận thức được chủ yếu là qua các phương tiện thông tin đại chúng (có 123 đối tượng chọn đáp án này), qua hội thảo, hội nghị (có 67 đáp án chọn), số rất ít (18 đối tượng) được biết qua bạn bè, người thân và 40 đáp án chọn là biết đến PPP qua các kênh khác như do làm dự án, do học đại học,...; còn 28 đối tượng (chiếm 14%) xác nhận là chưa bao giờ biết đến PPP.

5.2. Mức độ nhận thức đúng về PPP tại Đà Nẵng

Hầu hết những đối tượng đã từng nghe đến PPP đều nhận thức rất đúng về hình thức PPP, trong tổng số 172 đối tượng biết đến PPP, có 137 đối tượng (79,7%) nhận thức đúng về PPP, xem “PPP là hình thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp đồng giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để thực hiện, quản lý, vận hành dự án kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công”; số rất ít - 35 đối tượng, chiếm 18,6% cho rằng “PPP là hình thức xã hội hóa hay đơn thuần là sự phối hợp giữa Nhà nước và nhà đầu tư để thực hiện dự án”, 1,7% xác nhận chưa nhận thức chính xác PPP là gì.

5.3. Mức độ nhận thức đủ về PPP tại Đà Nẵng

Hầu hết 172 đối tượng đã nghe đến PPP, chủ yếu biết đến 3 loại hợp đồng phổ biến của PPP như BOT (163 đối tượng biết), BT (152 đối tượng biết đến), một số rất ít biết đến loại hợp đồng nhượng quyền khai thác và hợp đồng xây dựng – chuyên giao – kinh doanh (BTO), đa số không biết đến các hình thức hợp đồng còn lại của hình thức PPP như BOO, BTL, BLT, DBFO, O&M,...

Hầu hết đối tượng đã từng nghe đến PPP đều cho rằng, PPP là hình thức rất quan trọng (50 đối tượng) và quan trọng đối với sự phát triển của Đà Nẵng (119 đối tượng), số rất ít - chỉ có 3 đối tượng cho rằng PPP không quan trọng hoặc không biết. Do vậy, hầu hết các đối tượng có mong muốn nhận thông tin liên quan đến dự án PPP Đà Nẵng (có 160 đối tượng, chiếm 93,02%) với mục đích muốn đầu tư và muốn tìm hiểu để biết (155 đối tượng).

Hầu hết đối tượng được khảo sát đã từng nghe đến PPP đều biết ít (102 đối tượng), hay biết rất ít (24 đối tượng), hoặc không biết gì (8 đối tượng) đến các văn bản pháp quy liên quan đến hình thức PPP; chỉ có 34 đối tượng biết nhiều và 4 đối tượng biết rất nhiều về PPP.

Mặt khác, hầu hết đối tượng khảo sát đã từng nghe đến PPP đều cho rằng hiệu quả kinh tế xã hội là yếu tố quan trọng nhất trong quá trình đầu tư theo hình thức PPP trong đầu tư CSHTKT tại Đà Nẵng (có 142 đối tượng chọn yếu tố này), bên cạnh đó, hiệu quả tài chính được xem là yếu tố quan trọng thứ hai (có 92 đối tượng), các yếu tố còn lại như cơ cấu nguồn vốn, chia sẻ rủi ro và thời gian chuyển nhượng ít được biết đến trong quá trình đầu tư theo PPP tại Đà Nẵng.

Như vậy, nhìn chung, qua số liệu khảo sát các đối tượng (200 đối tượng được khảo sát), tác giả nhận thấy rằng, mặc dù PPP trong đầu tư CSHTKT theo hình thức PPP tại Đà Nẵng được xem là hình thức đầu tư rất quan trọng, hiện đang có nhu cầu biết và đầu tư khá cao, tuy nhiên, nhận thức về PPP tại Đà Nẵng trong đầu tư CSHTKT lại rất hạn chế, hầu hết đối tượng được khảo sát mới chỉ nhận thức được đúng khái niệm về PPP, còn những văn bản và quy định liên quan đến PPP lại không biết, biết rất ít hoặc ít (có 136 đối tượng, chiếm 79,1%). Hơn nữa, nhận thức về yếu tố quan trọng cần

phải quan tâm trong dự án PPP đầu tư CSHTKT còn chưa biết đến nhiều. Điều này chứng tỏ nhận thức về PPP trong đầu tư CSHTKT tại Đà Nẵng còn chưa được đầy đủ.

5.4. Mức độ nhận thức về quản trị rủi ro và mức độ thực hiện quản trị rủi ro dự án PPP trong đầu tư CSHTKT Đà Nẵng

Hầu hết đối tượng được khảo sát để từng nghe đến PPP đều biết ít (73 đối tượng), biết rất ít (37 đối tượng) hoặc không biết (3 đối tượng) đến những rủi ro trong quá trình thực hiện dự án PPP; chỉ có 58 đối tượng biết nhiều và 1 đối tượng biết rất nhiều về những rủi ro trong quá trình thực hiện dự án PPP.

Vấn đề chia sẻ rủi ro có rất ít đối tượng quan tâm và biết đến trong quá trình thực hiện dự án PPP Đà Nẵng (chỉ có 45 đối tượng biết trong tổng số 172 đối tượng đã từng nghe đến PPP).

Mặt khác, trong tổng số 31 chuyên gia được phỏng vấn tại Đà Nẵng về quản trị rủi ro và mức độ thực hiện quản trị rủi ro các dự án PPP đầu tư CSHTKT, hầu hết cho rằng rủi ro chỉ được xác định khi dự án có gặp vấn đề về rủi ro, rủi ro xuất hiện ở giai đoạn do bên nào quản lý thì bên đó chịu trách nhiệm xử lý, phần lớn các rủi ro không được dự tính trước và không được phân bổ ngay từ đầu, tất cả các dự án BT thì hầu như rủi ro đều phân bổ cho nhà đầu tư.

Như vậy, qua kết quả điều tra này, tác giả nhận thấy, thực trạng nhận thức đầy đủ về PPP tại Đà Nẵng là nguyên nhân khách quan khiến cho nhận thức về quản trị rủi ro và mức độ thực hiện quản trị rủi ro tại Đà Nẵng còn chưa đúng đắn và còn nhiều hạn chế, bị động. Đó chính là nguyên nhân khiến cho rất nhiều dự án PPP tại Đà Nẵng hiện chưa được triển khai và hiện thực hóa được trong thực tế.

6. Đề xuất giải pháp nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro và nâng cao mức độ thực hiện quản trị rủi ro trong các dự án đầu tư CSHTKT theo hình thức PPP tại Đà Nẵng

Giải pháp 1: Nâng cao nhận thức về PPP, nhận thức về quản trị rủi ro dự án PPP tại Đà Nẵng. Đà Nẵng cần có giải pháp tăng cường công tác tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, tăng cường công tác bồi dưỡng, mở các lớp đào tạo về PPP, tổ chức nhiều các hội thảo, hội nghị, tập huấn về PPP.

Giải pháp 2: Nâng cao năng lực thực hiện dự án PPP cho các nhà đầu tư. Trong số những người đã từng nghe đến PPP chỉ có 63 người (chiếm 36,6%) đã từng tham gia dự án PPP (có 33 người tham gia 1 dự án, 25 người tham gia 3-5 dự án và 5 người tham gia trên 3 dự án), còn 109 người chưa bao giờ tham gia dự án PPP Đà Nẵng (chiếm 63,4%). Đó có thể là nguyên nhân làm cho nhận thức về PPP, nhận thức về quản trị rủi ro và mức độ quản trị rủi ro trong dự án PPP đầu tư CSHTKT Đà Nẵng còn nhiều hạn chế. Do vậy, Đà Nẵng cần tạo điều kiện về năng lực cho nhà đầu tư thông qua cơ cấu góp vốn của thành phố (thành phố góp vốn nhiều hơn quy định) hoặc có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho nhà đầu tư, nhằm khuyến khích nhiều nhà đầu tư mạnh dạn đầu tư vào dự án PPP.

Giải pháp 3: Nâng cao mức độ quan tâm hơn nữa đối với các dự án PPP. Theo số liệu khảo sát, có 90 đối tượng (hơn 50%) cho rằng PPP ở Đà Nẵng chưa được quan tâm đúng mức. Do vậy, thành phố cần có chính sách ưu tiên, có

giải pháp hỗ trợ, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để thu hút nhà đầu tư tư nhân tham gia vào dự án PPP đầu tư CSHTKT, nhằm giải quyết vấn đề khó khăn về vốn trong đầu tư CSHTKT hiện nay của thành phố.

Giải pháp 4: Đơn giản hóa các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước, cụ thể hóa thành văn bản riêng, áp dụng, hướng dẫn sử dụng cho PPP tại Đà Nẵng nhằm tạo điều kiện cho PPP tại Đà Nẵng được thực hiện thuận lợi, dễ nhận thức và triển khai.

Giải pháp 5: Nâng cao năng lực thẩm định các dự án PPP đầu tư CSHTKT tại Đà Nẵng nhằm mục đích nâng cao hiệu quả của các dự án, nâng cao nhận thức đối với yếu tố quan trọng cần được quan tâm trong thẩm định, cần quan tâm xem xét vấn đề quản trị rủi ro trong quá trình thực hiện dự án PPP, góp phần giảm thiểu rủi ro trong các dự án PPP, tạo sự an tâm, đồng thời kích thích nhu cầu đầu tư cho các nhà đầu tư.

7. Kết luận và kiến nghị

7.1. Kết luận

Dựa vào kết quả nghiên cứu khảo sát, tác giả đã cho thấy thực trạng hiện nay về nhận thức của các bên liên quan về PPP, về quản trị rủi ro và mức độ thực hiện quản trị rủi ro các dự án PPP trong đầu tư CSHTKT tại Đà Nẵng. Qua đó cho thấy những vấn đề đang còn tồn tại trong việc thực hiện dự án PPP tại Đà Nẵng mà thành phố cần có giải pháp khắc phục. Đồng thời, tác giả cũng đã đề xuất được nhóm giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình thực hiện dự án PPP đầu tư CSHTKT tại Đà Nẵng. Kết quả nghiên cứu góp phần hiện thực hóa các dự án PPP tại Đà Nẵng, nâng cao nhận thức cho các bên có liên quan về vai trò của công tác quản trị rủi ro trong các dự án PPP trong đầu tư CSHTKT.

7.2. Kiến nghị

Rủi ro là yếu tố không thể không xảy ra trong quá trình thực hiện dự án CSHTKT theo hình thức PPP, do vậy, Nhà nước, nhà đầu tư và các tổ chức tín dụng cho vay cần phải quan tâm nhiều hơn và tích cực nghiên cứu vấn đề rủi ro trong dự án PPP đầu tư CSHTKT tại Đà Nẵng, nhằm làm tăng hiệu quả của dự án, thúc đẩy nhu cầu đầu tư. Muốn vậy:

+ Thành phố cần nâng cao nhận thức về PPP và nhận thức quản trị rủi ro trong dự án PPP cho các đối tượng có liên quan đến dự án PPP trong đầu tư CSHTKT tại Đà Nẵng.

+ Cần nghiên cứu, xây dựng và ứng dụng quy trình, giải pháp giảm thiểu rủi ro trong dự án PPP tại Đà Nẵng.

+ Tăng cường và chú trọng hoạt động thu thập, tích lũy số liệu liên quan đến rủi ro, quản trị rủi ro trong quá trình

thực hiện dự án, nhằm phục vụ công tác quản trị rủi ro một cách có hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bakatjan, S., Arian, M., Tiong, R.L.K., “Optimal capital structure model for BOT power projects in Turkey”, *Journal of Construction Engineering and Management*, 129 (1), 2003, pp. 89–97.
- [2] Ho, S.P., “Model for financial renegotiation in public-private partnership projects and its policy implications: Game theoretic view”, *Journal of Construction Engineering and Management*, 132 (7), 2006, pp. 678–688.
- [3] Huỳnh Thị Thúy Giang, *Hình thức hợp tác công-tư (public private partnership) để phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.
- [4] Nguyễn Văn Châu, *Nghiên cứu quản lý rủi ro kỹ thuật trong thi công công trình giao thông đường bộ ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Giao thông Vận tải, 2016.
- [5] Nguyễn Hồng Thái, “Kinh nghiệm quản lý mô hình PPP trong phát triển mạng lưới giao thông đường bộ có thu phí của một số nước nhằm rút ra bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Công nghệ Trường Đại học Giao thông Vận tải*, 2008.
- [6] Ngô Thế Vinh, *Nghiên cứu ứng dụng hình thức đối tác công tư trong quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông đô thị*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, 2015.
- [7] Nguyễn Văn Châu, Bùi Ngọc Toàn & Nguyễn Quang Phúc, “Đo lường mức độ rủi ro kỹ thuật trong xây dựng công trình giao thông đường bộ ở Việt Nam bằng phương pháp F-AHP”, *Tạp chí Giao thông Vận tải*, số tháng 9, 2015, ISSN 2354-0818, trang 49-52.
- [8] Nguyễn Hồng Thái, “Quy trình quản lý rủi ro trong đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông”, *Tạp chí Khoa học Công nghệ Trường Đại học Giao thông Vận tải*, 2008.
- [9] Nguyễn Thị Hồng Minh, *Quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ tại Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2016.
- [10] Nguyễn Thị Ngọc Huyền và Lê Hồng Minh, “Phát triển hình thức đối tác công tư trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 168, 2011, trang 3-7.
- [11] Subprasom, K., Chen, A., “Effects of regulation on highway pricing and capacity choice of a build – operate – transfer scheme”, *Journal of Construction Engineering and Management*, 133(1), 2007, pp. 64–71.
- [12] Thomas, A.V., Kalidindi, S.N., Ganesh, L.S., “Modelling and assessment of critical risks in BOT road projects”, *Construction Management and Economics*, 24 (4), 2006, pp. 407–424.
- [13] Thân Thân Sơn, *Nghiên cứu phân bổ rủi ro trong hình thức hợp tác công tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Giao thông Vận tải, Hà Nội, 2016.
- [14] Wibowo, A., “Valuing guarantees in a BOT infrastructure project”, *Engineering, Construction and Architectural Management*, 11(6), 2004, pp. 395-403.
- [15] Zhang, G.M., Zou, P.X.W., “Fuzzy analytical hierarchy process risk assessment approach for joint venture construction projects in China”, *Journal of Construction Engineering and Management*, 133 (10), 2007, pp. 771–779.

(BBT nhận bài: 28/9/2017, hoàn tất thủ tục phản biện: 16/10/2017)